

22 NĂM SAU.

NGƯỜI NGHỆ SĨ ĐÔN HẬU

(*Tâm Bút*)

I.

Do cục thịt u nổi lên sau lưng và bởi cái nghề dạy dương cầm mà người ta gọi anh là Thầy Gù. Theo ngày tháng, hai chữ Thầy Gù được gọi mãi để rất đông những người Dalat không còn nhớ đến tên thật của anh: TRIỆU TRUNG TIÊN.

Gốc Trung Hoa, chiều cao chỉ bằng đũa con nít lên mười, đôi vai bành ra theo chiều ngang, bước đi không đều, cái lưng khòm khiến cái đầu lúc nào cũng như phải cúi xuống, khuôn mặt đôn hậu, mái tóc lòa xòa rũ ra trước trán, chiếc áo *chemise* luôn luôn ngắn tay dù mùa hè nóng bức hay mùa đông lạnh giá, từ nơi anh toát ra một nét gì rất độc đáo. Cái nét này, ngay buổi đầu gặp anh, tôi đã nhận biết, mãi về sau thấy vẫn không phai.

Có lần tôi bảo anh:

“Anh là một nghệ sĩ thật sự, Thu Vân rất hiếm khi gặp được trong đời mình từ trước.”

Anh cười, vờ e thẹn: “Không dám đâu!”

Tôi tiếp:

“Thật! Thu Vân chưa một lần tìm hiểu tại sao lại nói thế, nhưng cứ mãi tin vào ý nghĩ của mình.”

[Năm 1974, khi còn là một *violoniste* tại vũ trường Duy Tân Dalat, đêm đêm đứng trình diễn, tôi vẫn nhìn thấy nơi góc bar đối diện ở cuối phòng nhảy, có một người đàn ông ngồi im, hai tay vòng trước ngực, mặt hướng về sân khấu, vẻ trang trọng khiêm tốn. Giữa một đám đông thanh lịch, chiếc áo *chemise* mỏng và vóc dáng kỳ lạ của người đàn ông đã đánh mạnh vào trí tưởng tượng tôi những niềm rung cảm. Tôi không biết anh là ai, và cũng chưa bao giờ được nghe bất cứ ai trong vũ trường nói về anh; tuy nhiên, như một thói quen thân thiết, đêm đêm tôi vẫn mơ hồ chờ đợi con người tàng tật rất đúng giờ giấc ấy, đồng thời nghĩ mình đang đàn cho anh nghe, hơn là cho bất cứ người khách nào chung quanh.

Tháng 4/1975, tôi kẹt lại Dalat trong cuộc tản cư tàn khốc của toàn thể thành phố. Một buổi chiều lang thang trên con đường Bờ Hồ, nhìn Dalat dấy lên trong cơn sốt chiến tranh, tôi và anh tình cờ gặp lại. Nét mừng rỡ thoáng lên trên đôi mắt hai kẻ xa lạ...

Kể từ đó, chúng tôi trở thành bạn của nhau.

Anh lớn hơn tôi gần 10 tuổi, không vợ con, sống cùng trong gia đình một người em gái. Sinh nhai bằng nghề dạy dương cầm nhạc cổ điển Tây Phương, anh dễ dàng trở nên thân thiết với tôi trong giai đoạn đau buồn dữ dội của Dalat. Những lần đàm luận về âm nhạc, những buổi *café* quán cóc lề đường nói với nhau biết bao là chuyện, anh giúp tôi quên được phần lớn những nỗi niềm tan nát; khiến tôi âm lòng theo cảm nghĩ mình vẫn còn một người bạn trong cái bối cảnh chiến tranh ghê gớm khi ấy đã làm mất của tôi tất cả mọi người thân chung quanh.

Đầu tháng 5/1975, tôi rời Dalat. Vài lần sau có dịp trở lại thành phố mù sương, lúc nào tôi cũng đều được anh đón tiếp rất nồng hậu. Điềm lạ kỳ rằng anh vẫn là anh giống y như ngày đầu gặp gỡ, trong khi tôi đã chuyển đổi theo từng hoàn cảnh sống. Vậy mà tình thân giữa cả hai vẫn không chút nào suy suyển, cho dù tôi có hiện diện cạnh bên bất cứ người đàn ông nào khi ấy. **Một thứ tình chân thật giữa những người bạn với nhau mà không bất cứ ai có thể đánh giá sai.]**

II.

Buổi chiều, một ngày trong tháng 6/1997, tôi ngồi đối diện anh nơi một quán cóc trên đường Minh Mạng, cạnh bên đứa con gái nhỏ. Anh vẫn là người bạn thứ nhất tôi tìm đến trong lần này trở lại Dalat. Bầu trời âm một màu sương xám dù rằng đang giữa mùa hè khô ráo. Giọng nói xúc động, lơ lơ Trung Hoa của anh vang lên:

“Tôi không ngờ còn được gặp Thu Vân sau nhiều năm tháng cách xa.”

Tôi cười, nhìn anh.

Giữa một Dalat nhộn nhịp của thời kỳ bao cấp đổi mới dưới chế độ Cộng Sản, tôi tưởng như tôi và anh đang còn hiện hữu trong một quãng đời nào xa lắc. Vẫn mái tóc lò xo xòa trước trán, đôi mắt chân thật, khuôn mặt đầy nét đôn hậu, anh làm tôi nhớ lại những gói mì sợi, những cốc *café* đen anh chia cho tôi dạo tháng 4/1975 cũ kỹ đau buồn.

Anh nhận định:

“Thu Vân vẫn không thay đổi!”

Tôi cười:

“Chính anh mới là người không thay đổi. Nhưng anh đã lập gia đình chưa?”

Anh lắc đầu, vè e thẹn:

“Đâu có ai thương được tôi mà lấy?” (Trong điệu nói có hẳn rõ sự nhẫn nhục).

Tôi ngậm ngùi:

“Chẳng lẽ anh ở độc thân suốt đời?”

Anh cúi đầu:

“Chắc vậy.”

Buổi chiều mùa hè, Dalat bỗng bất ngờ đổ nhanh cái lạnh. Tôi co người trong tấm áo choàng, thấy se lòng theo đôi tay trần của anh:

“Anh mặc thế này, sao không nghe rét?”

Anh cười hềnh hếch:

“Quen rồi! Bây giờ cho áo tay dài cũng không mặc. Trời mưa vẫn không bao giờ khoác áo mưa.”

Tôi hỏi:

“Ngộ nhớ có lần anh được dịp đi ngoại quốc, trời mùa đông lạnh không chịu thấu?”

Anh thần nhiên:

“Chắc không bao giờ rời Dalat. Sinh ra ở đâu thì đó cũng là chỗ chết của tôi.”

Tôi kêu lên:

“Bây giờ thì Thu Vân mới ngộ ra chút nào ý nghĩa của cái câu mình đã nói khi cho rằng anh là một chân nghệ sĩ: **Sự bất biến trên hình thức nói lên sự bất biến của tâm hồn**. Hai mươi hai năm xưa với hai mươi hai năm sau, thời gian làm đổi thay nhiều thứ, nhưng điều này với anh trở thành vô nghĩa.”

Về mặt anh hiền lành: “Chỉ mong vậy!”

Tôi tiếp:

“**Thủy chung là tính căn bản của một nghệ sĩ thật sự**. Anh là người bạn nghệ sĩ duy nhất mà sau hai mươi hai năm gặp lại, thấy cá chất này nơi anh vẫn sáng tỏ.”

Anh cười:

“Thu Vân nói quá lời! Nhưng **nếu không giữ sự thủy chung trong lòng, tôi còn điều gì để có thể nghĩ rằng mình đang được sở hữu những thứ gọi là kỷ niệm riêng?**”

III.

Đêm xuống nhanh. Đi với anh trên vỉa hè dốc Hòa Bình, lắng nghe tiếng gót giày vang lên đều đặn, tôi nghĩ đến những ngày còn ở Bruxelles, ở Paris thời gian đầu mới từ bỏ quê hương, tôi cũng nhiều lần làm điều ấy. Hai không gian cách xa hàng vạn dặm cùng tạo nên trong tôi một kỷ niệm tuyệt diệu. Một điều lạ rằng dẫu cho đã ở trên đất Mỹ 11 năm nhưng bất cứ khi nào nghĩ về Dalat là tôi lại đồng hóa nó với một Paris nào xa lắc tôi từng sống qua.

Dalat càng về khuya càng đẹp. Lớp sương mù phủ nhanh trong không gian một màu đục ảm. Tôi nghe anh nói:

“Bây giờ Dalat không còn lạnh nhiều như trước. Nhà nào cũng phải cần có tủ lạnh, đôi khi cả máy điều hòa không khí.”

Tôi kêu lên:

“Quả là một khám phá bất ngờ không tưởng được.”

Anh gật đầu:

“Người ta phá rừng đốn cây nhiều quá làm thời tiết trở nên nóng.”

“Nhưng tại sao họ làm vậy?”

Giọng anh nhần nhục:

“Bởi vì nghèo. Chính phủ cấm nhưng dân chúng vẫn lên đốn các cội thông, đem về chẻ nhỏ làm ngo chụm lửa mang ra chợ bán. Các ngọn đồi ở Dalat không còn đẹp và thơ mộng như xưa.”

Tôi ngạc nhiên:

“Đọc trong báo Công An, thấy viết rằng lúc này đám thanh niên học sinh Việt Nam nghiện *héroïne* nhiều lắm. Như vậy chứng tỏ dân chúng có tiền mới dám mua *héroïne* mà hút?”

Anh gật đầu:

“Đúng! Nhưng đó chỉ là một thiểu số con cái các ông bà cán bộ cao cấp giàu có, chứ dân thì vẫn rất nghèo.”

Ngang qua một lò bấp nướng, tôi dừng lại lựa mua dăm trái. Bà cụ bán hàng trông vẻ mặt rất già, nói với tôi:

“Cô mua giùm thêm ít quả. Suốt từ tối ra hàng, ngồi quẹt tòn bao nhiêu than mà chẳng người khách nào ghé cho.”

Anh giơ tay:

“Cụ gói cả đi. Cháu mua hết số bấp này cho cụ.”

Tôi cười:

“Phải đó! Mỗi người mình ăn cao lắm là chỉ một trái, nhưng cứ mua hết cho cụ.”

Và quay sang bà:

“Cụ thu xếp mà về ngủ sớm đêm nay nghe?”

Bà cụ nở nụ cười hiền lành:

“Phúc đức quá! Cảm ơn cô cậu.”

Chúng tôi ghé vào một quán *café* lộ thiên ngay đầu dốc Nguyễn Trường Tộ. Trời đã rất khuya. Suong mù phủ kín bầu trời trước mặt. Tôi nghe trong tâm tư ngất ngây một mối hạnh phúc nhẹ nhàng len lỏi. ***Dalat của tôi những ngày tháng cũ.*** Hai mươi hai năm rồi, vật đổi sao dời, nhưng riêng khoảng thời gian nửa khuya về sáng, Dalat vẫn chẳng khác bao nhiêu so với thuở ngày xưa. Dưới ánh đèn đường, vạn vật nhuốm chìm trong một màu vàng úa. Từ Bờ Hồ, khí lạnh làm mờ các con đường. Không gian phủ trùm giá rét. Vài người bộ hành cúi đầu trong cổ áo khoác, tiếng gót giày gỗ mạnh giữa khuya.

Tôi nhìn anh thản nhiên trong tấm *chemise* mỏng, bật tiếng kêu nhỏ:

“Thật chịu anh! Mặc thế này mà không thấy lạnh?”

Anh cười, cái cười hề hề, vô tội, hiền lành.

Chúng tôi trở lại hướng Hòa Bình. Giấc ngủ im lìm phủ trùm phố xá. Ngay các bậc tam cấp dẫn xuống chợ vẫn còn các gánh hàng san sát; mỗi gánh đều có máng nơi đầu giống một chiếc đèn măng xông hay đèn dầu hỏa. Khí trời lạnh lạnh, bước đi giữa lớp ghế bàn bày ra

bừa bãi, một cảm giác thú vị vẩy chụp lấy tôi trong ý tưởng rằng đang bước chân vào một vùng chốn nào ở thế giới bên kia.

Trước một hàng ốc nghêu, cô chủ quán kêu lên vui vẻ:

“A Thầy Gù! Mời thầy cô ăn nghêu mới hấp!”

Anh dừng lại nhìn tôi:

“Thu Vân và Âu Cơ ăn nghêu không?”

Tôi gật.

Cả ba ngồi xuống trên chiếc băng gỗ thấp. Tôi hỏi anh:

“Đạo này anh còn đi uống *café* đêm?”

Anh lắc đầu:

“Thỉnh thoảng thôi. Bây giờ Dalat mất an ninh lắm.”

Cô chủ quán xen vào:

“Đúng đó chị. Ai cũng sợ nên bọn em đâm ra ế khách.”

Cô khựng một nháy:

“À, mà hình như chị không phải dân Dalat?”

Tôi cười:

“Tôi không phải dân Dalat, nhưng cách đây 22 năm, tôi sợ rằng tôi biết Dalat còn rõ hơn bất cứ ai sinh trưởng tại đây.”

Tôi hỏi lại cô:

“Sao cô biết anh bạn tôi mà gọi?”

Cô đơn đả:

“Ở Dalat ai chẳng biết Thầy Gù? Trông thầy như vậy mà tâm địa rất tốt, được nhiều người thương quý lắm. Em có đưa em gái học với thầy, thầy thấy nhà nghèo nên cho không, chẳng lấy học phí.”

Anh nở nụ cười e thẹn:

“Chuyện nhỏ mà!”

Nhìn cái cười anh, bỗng dung tôi nghe trong hồn dậy lên một nỗi niềm vô cùng ám áp. Hai mươi hai năm rồi mà mọi sự dường như không thay đổi. Các hàng quán khuya. Những con người lao động chuyên sống về đêm. Mùi *café*, mùi bắp nướng và đủ thứ mùi trộn lẫn cùng mùi sương đêm giá buốt. Cái mùi đặc biệt, chỉ những kẻ bộ hành muộn trễ của Dalat mới có dịp làm quen.

Và anh, con người vẫn không thay đổi với cái cười xiết bao đôn hậu tôi ghi nhận ngay từ lần đầu gặp gỡ. Một mẫu nghệ sĩ thật sự trên nhiều góc cạnh, từ bề sâu cho đến bề mặt, trong đời tôi ít gặp. Một người bạn hiếm hoi luôn dành cho tôi tình cảm chân thành quý trọng, từ ngày xưa cho tới ngày nay.

□